

ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN VỀ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG TẠI PVCOMBANK

Định nghĩa và các từ viết tắt

- 1. Giải thích thuật ngữ:**
 - 1.1.** Điều khoản, điều kiện: Điều khoản và điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do PVcomBank phát hành.
 - 1.2.** Ngân hàng: là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank), thực hiện các nghiệp vụ phát hành và thanh toán thẻ tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức thẻ quốc tế.
 - 1.3.** Tổ chức thẻ quốc tế: là hiệp hội các tổ chức tài chính, tín dụng tham gia phát hành và thanh toán Thẻ quốc tế, bao gồm: Tổ chức Visa, Tổ chức MasterCard International, Công ty American Express, Công ty JCB, Công ty Diners Club và các TCTQT khác
 - 1.4.** Chủ thẻ: là cá nhân được PVcomBank cung cấp thẻ để sử dụng theo hạn mức Thẻ tín dụng được cấp, có tên và chữ ký trên thẻ. Chủ thẻ bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ (nếu có).
 Chủ thẻ chính: là cá nhân đứng tên trên Thẻ thỏa thuận về việc sử dụng thẻ với PVcomBank và có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận này. Chủ thẻ chính chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản dư nợ phát sinh trên Tài khoản Thẻ và là người duy nhất có quyền đưa ra các yêu cầu liên quan đến việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ phụ.
 Chủ thẻ phụ: là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; hoặc có năng lực hành vi dân sự và từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi được người đại diện theo pháp luật của người đó chấp thuận về việc sử dụng thẻ (hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ), được Chủ thẻ chính cho phép sử dụng Thẻ theo thỏa thuận về việc sử dụng Thẻ giữa Chủ thẻ chính và PVcomBank. Chủ thẻ phụ được sử dụng hạn mức Thẻ tín dụng chung với hạn mức do PVcomBank cấp cho Chủ thẻ chính và chịu trách nhiệm về việc sử dụng Thẻ, sử dụng hạn mức Thẻ tín dụng với Chủ thẻ chính.
 - 1.5.** Thẻ: là phương tiện do PVcomBank phát hành để thực hiện giao dịch Thẻ theo các điều kiện và điều khoản được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng phát hành Thẻ.
 - 1.6.** Thẻ tín dụng Quốc tế: là loại Thẻ do PVcomBank phát hành cho phép Chủ Thẻ thực hiện giao dịch Thẻ trong phạm vi hạn mức Thẻ tín dụng đã được cấp theo thỏa thuận với PVcomBank. Thẻ tín dụng Quốc tế được sử dụng để giao dịch cả trong nước và nước ngoài. Trong quy định này các từ “Thẻ” đứng độc lập đều được hiểu là Thẻ tín dụng Quốc tế.
 - 1.7.** Tài khoản Thẻ: là tài khoản của Chủ thẻ tại PVcomBank để quản lý việc sử dụng hạn mức Thẻ tín dụng được PVcomBank cấp cho Chủ Thẻ và quản lý các giao dịch, phí, lãi và các phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ. Chủ thẻ phụ sử dụng chung tài khoản với Chủ thẻ chính.
 - 1.8.** Giao dịch thẻ: là giao dịch trong đó Chủ thẻ sử dụng để rút tiền mặt, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng các dịch vụ được phép khác do Ngân hàng hoặc các tổ chức thẻ khác cung ứng.
 - 1.9.** Mã số xác định chủ thẻ: là mã số bí mật cá nhân do PVcomBank cung cấp cho Chủ thẻ và được sử dụng trong một số loại hình giao dịch thẻ để chứng thực Chủ thẻ. Mã số này do Chủ thẻ chịu trách nhiệm bảo mật. Trong giao dịch điện tử, mã số xác định chủ thẻ được coi là chữ ký điện tử của Chủ thẻ
 - 1.10.** Thời hạn hiệu lực thẻ: là thời hạn Chủ thẻ được phép sử dụng thẻ.
 - 1.11.** Ngày hết hạn thẻ: là ngày cuối cùng của tháng hết hiệu lực thẻ in trên thẻ.
 - 1.12.** Ngày chuyển nợ quá hạn: là ngày liền kề sau ngày đến hạn thanh toán mà Chủ thẻ chưa thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Số tiền thanh toán tối thiểu.

- 1.13. Hạn mức Thẻ tín dụng: là giá trị tín dụng tối đa mà Chủ thẻ được Ngân hàng cho phép sử dụng (để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ và rút tiền mặt tại các máy rút tiền tự động hoặc điểm ứng tiền mặt là đại lý của PVcomBank) trong một thời gian nhất định. Hạn mức Thẻ tín dụng được cấp cho Chủ thẻ là đồng Việt Nam. Thời hạn cấp Hạn mức Thẻ tín dụng chính là Thời hạn hiệu lực của Thẻ.
- 1.14. Kỳ sao kê: là khoảng thời gian Ngân hàng lập bản sao kê, tính từ ngày sau Ngày sao kê của kỳ liền trước tới hết ngày sao kê của kỳ hiện tại.
- 1.15. Ngày sao kê: là ngày hệ thống quản lý Thẻ thực hiện chốt dữ liệu giao dịch của Chủ thẻ trong một chu kỳ sao kê.
- 1.16. Ngày đến hạn thanh toán: là ngày được nêu trong Sao kê và là ngày mà Chủ thẻ phải trả số tiền ít nhất bằng Số tiền thanh toán tối thiểu. Ngày đến hạn thanh toán được quy định cho từng sản phẩm.
- 1.17. Số tiền thanh toán tối thiểu: là khoản tiền tối thiểu Chủ thẻ phải thanh toán cho Ngân hàng trong mỗi kỳ sao kê theo quy định của Ngân hàng.
- 1.18. Dư nợ: là số tiền Chủ thẻ đang nợ Ngân hàng tại một thời điểm bất kỳ phát sinh từ việc phát hành và sử dụng thẻ.
- 1.19. Dư nợ cuối kỳ: số tiền Chủ thẻ đang nợ Ngân hàng tính đến hết ngày sao kê, bao gồm giá trị các giao dịch, phí và lãi liên quan đến việc sử dụng Thẻ.
- 1.20. Tài sản bảo đảm: là tiền ký quỹ, giấy tờ có giá hoặc tài sản khác đáp ứng quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ dùng để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Chủ thẻ có liên quan đến việc sử dụng hạn mức Thẻ tín dụng được cấp thông qua Thẻ. Việc nhận, quản lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của PVcomBank.
- 1.21. Tổng đài: là tổng đài dịch vụ khách hàng 24/7 của Ngân hàng và bất kỳ số điện thoại phục vụ Khách hàng liên quan tới việc phát hành và sử dụng thẻ.
- 1.22. Tài khoản đăng ký: tài khoản tiền gửi của Chủ thẻ mở tại PVcomBank được Chủ thẻ sử dụng để đăng ký trích nợ tự động.
- 1.23. CVV2: mã số xác thực chủ thẻ khi thực hiện các giao dịch bằng thẻ qua Internet.
- 1.24. PIN: mã số xác định chủ thẻ.
- 1.25. ATM: máy giao dịch tự động

Phát hành thẻ

2. Không cần phải thông báo trước cho Chủ thẻ, PVcomBank có toàn quyền quyết định:
 - 2.1. Đồng ý hoặc từ chối cấp Thẻ cho Chủ thẻ;
 - 2.2. Từ chối hoặc phê duyệt các Giao dịch thẻ;
 - 2.3. Chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ vào bất kỳ thời điểm nào;
 - 2.4. Tăng hoặc giảm Hạn mức Thẻ tín dụng;
 - 2.5. Từ chối phát hành lại, làm mới, thay thế hoặc gia hạn Thẻ;
 - 2.6. Thay đổi, điều chỉnh, hạn chế hoặc hủy bỏ các dịch vụ, tiện ích liên quan đến Thẻ.
3. **Thẻ chính và Thẻ phụ:**
 - 3.1. PVcomBank có quyền quy định số thẻ phụ tối đa mà Chủ thẻ chính được phát hành từng thời điểm.

- 3.2. Chủ thẻ chính và (các) chủ thẻ phụ cùng sử dụng chung một hạn mức Thẻ tín dụng do PVcomBank cấp cho chủ thẻ chính. Chủ Thẻ chính chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản dư nợ phát sinh trên Tài khoản Thẻ.
- 3.3. Giao dịch của chủ thẻ chính và (các) chủ thẻ phụ được thể hiện trên cùng một sao kê và gửi cho chủ thẻ chính để thanh toán.
- 3.4. Trường hợp Chủ thẻ bị chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi thì việc thực hiện Điều khoản, điều kiện này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Phạm vi Sử dụng thẻ

4. Chủ thẻ, bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ chỉ sử dụng thẻ cho các mục đích cá nhân và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, không sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.
5. Thẻ được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, gửi, nạp, rút tiền mặt và sử dụng các dịch vụ khác từ hệ thống ATM và hệ thống điểm chấp nhận thẻ của PVcomBank và các ngân hàng khác có hệ thống thẻ kết nối với hệ thống thẻ của PVcomBank dưới hình thức kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc một số tổ chức trung gian.
6. Để thực hiện giao dịch mua hàng hóa, Chủ thẻ phải cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết mà PVcomBank yêu cầu để phê duyệt giao dịch. PVcomBank có quyền ghi nợ lên tài khoản thẻ tín dụng đối với bất kỳ số tiền giao dịch nào được thực hiện bởi Chủ thẻ.
7. PVcomBank không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với bất kỳ tranh chấp nào về hàng hóa dịch vụ giữa Chủ thẻ và đơn vị chấp nhận thẻ hoặc giao dịch Thẻ bị từ chối bởi đơn vị chấp nhận thẻ ngay cả khi giao dịch nằm trong hạn mức Thẻ tín dụng sẵn có. Khiếu nại của Chủ thẻ đối với đơn vị chấp nhận thẻ không loại trừ các nghĩa vụ thanh toán của Chủ thẻ đối với Ngân hàng.
8. PVcomBank có quyền giới hạn giá trị của mỗi giao dịch rút tiền mặt và/hoặc tổng giá trị các giao dịch rút tiền mặt trên thẻ tín dụng trong chu kỳ tín dụng.
9. Chủ thẻ cũng có thể sử dụng thông tin Thẻ và thông qua các yếu tố xác thực chủ thẻ như số PIN và/hoặc số CVV2/CVC2 để thực hiện giao dịch trên Internet và các giao dịch khác đăng ký với PVcomBank (việc đăng ký các giao dịch này tuân theo quy định của PVcomBank từng thời kỳ).
10. Chủ thẻ nhận thức đầy đủ và chịu trách nhiệm khi thực hiện các giao dịch bằng Thẻ và hoàn toàn chịu mọi rủi ro phát sinh từ và/hoặc liên quan đến quá trình thực hiện các giao dịch tại mục 9 trong trường hợp đồng ý đăng ký với PVcomBank, đồng thời chịu trách nhiệm bảo mật các yếu tố xác thực Chủ thẻ.

Phí và tỷ giá

11. **Các loại phí:**
Chủ thẻ phải trả các loại phí liên quan đến Thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại phí sau:
 - 11.1. Phí phát hành Thẻ (trên cơ sở hợp đồng tín dụng mới): khoản phí Chủ thẻ phải trả trên cơ sở một Đề nghị phát hành thẻ mới và được PVcomBank chấp nhận.
 - 11.2. Phí thay đổi hạng thẻ/loại thẻ (giữ nguyên hợp đồng tín dụng đang có hiệu lực): khoản phí Chủ thẻ phải trả khi PVcomBank chấp nhận yêu cầu thay đổi loại thẻ/hạng thẻ của Chủ thẻ nhưng không thay đổi hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ đang có hiệu lực.
 - 11.3. Phí phát hành lại thẻ (do hư hỏng, mất cắp, thất lạc,...): khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ phát hành lại thẻ do hư hỏng, mất cắp, thất lạc... và không thay đổi hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ đang có hiệu lực.

- 11.4. Phí dịch vụ phát hành nhanh (địa bàn áp dụng do PVcomBank quy định từng thời kỳ): khoản phí Chủ thẻ phải trả (chưa bao gồm các loại phí phát hành liên quan) khi Chủ thẻ yêu cầu lấy Thẻ trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày Chủ thẻ hoàn thành thủ tục phát hành và hồ sơ đề nghị phát hành thẻ được PVcomBank chấp thuận.
- 11.5. Phí thường niên (thu theo năm, căn cứ thời hạn hiệu lực thẻ): khoản phí Chủ thẻ phải trả hàng năm để duy trì việc sử dụng Thẻ.
- 11.6. Phí rút tiền mặt: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi thực hiện các giao dịch rút tiền mặt tại ATM hoặc tại các đơn vị chấp nhận thẻ được phép cung cấp dịch vụ rút tiền.
- 11.7. Phí tra soát, khiếu nại: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi khiếu nại không chính xác.
- 11.8. Phí quản lý chi tiêu ngoại tệ: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi thực hiện các giao dịch bằng các loại tiền tệ không phải đồng Việt Nam.
- 11.9. Phí vượt hạn mức: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi dư nợ Thẻ vượt quá hạn mức Thẻ tín dụng được cấp
- 11.10. Phí thay đổi hạn mức Thẻ tín dụng/Hạn mức Thẻ tín dụng tạm thời: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu tăng hoặc giảm hạn mức Thẻ tín dụng và được PVcomBank chấp nhận.
- 11.11. Phí chậm thanh toán: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Số tiền thanh toán tối thiểu sau Ngày đến hạn thanh toán.
- 11.12. Phí cấp bản sao Sao kê theo yêu cầu: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu cung cấp thêm bản sao Sao kê bằng văn bản ngoài bản gốc.
- 11.13. Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu cung cấp bản sao của hóa đơn giao dịch gốc.
- 11.14. Phí xác nhận thông tin thẻ tín dụng: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu PVcomBank xác nhận bằng văn bản các thông tin liên quan đến Thẻ và giao dịch Thẻ.
- 11.15. Phí xử lý giao dịch: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thực hiện giao dịch bằng đồng ngoại tệ khác đồng Việt Nam.
- 11.16. Phí cấp lại PIN: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi yêu cầu cấp lại PIN và được PVcomBank chấp thuận.
- 11.17. Phí thông báo thất lạc thẻ: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thông báo (bằng văn bản theo mẫu của PVcomBank) thẻ bị mất cắp, thất lạc và đăng ký thông tin thẻ mất cắp/thất lạc đó lên hệ thống của tổ chức thẻ quốc tế.
- 11.18. Các loại phí khác: tuân theo quy định của PVcomBank và được công bố công khai tại trụ sở PVcomBank và/hoặc trên website chính thức của PVcomBank.
- 11.19. Chi tiết các loại phí được quy định tại biểu phí do PVcomBank ban hành và là một phần không thể tách rời của bản Điều khoản, điều kiện này.
12. **Tỷ giá quy đổi:** tất cả các giao dịch được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá của PVcomBank vào thời điểm Giao dịch được cập nhật vào hệ thống.

Lãi suất cho vay và cách tính lãi

13. Lãi suất cho vay:

Lãi suất cho vay đối với việc sử dụng thẻ tín dụng do PVcomBank ban hành và được thay đổi theo từng thời kỳ, được công bố trên website chính thức của PVcomBank.

14. Cách tính lãi:

Công thức tính lãi Thẻ = Số tiền giao dịch x Số ngày tính lãi x Lãi suất/360.

Các giao dịch sử dụng thẻ sẽ bị tính lãi: giao dịch rút tiền mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ và các giao dịch khác phát sinh theo quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ, các loại phí phát sinh khi sử dụng Thẻ.

Lãi suất Thẻ được PVcombank quy định cho từng loại Thẻ/hạng Thẻ và được PVcomBank ban hành trong từng thời kỳ.

15. Các quy định về miễn lãi, thu lãi đối với từng loại giao dịch:

15.1. Đối với giao dịch thanh toán hàng hóa:

Nếu Chủ thẻ thanh toán đầy đủ và đúng hạn toàn bộ số dư nợ (bao gồm dư nợ phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, tiền lãi phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt, tiền phí của kỳ sao kê đó), Chủ thẻ sẽ được miễn lãi cho toàn bộ giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ trong kỳ.

Nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số dư nợ cuối kỳ (bao gồm dư nợ của kỳ trước, dư nợ phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, tiền lãi, các khoản phí liên quan đến việc sử dụng Thẻ của kỳ sao kê đó) hoặc thanh toán nợ sau ngày đến hạn, PVcomBank sẽ tính lãi trên toàn bộ dư nợ cuối kỳ tính từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý Thẻ của PVcomBank đến ngày Chủ thẻ thanh toán một phần số tiền giao dịch hoặc toàn bộ dư nợ; các giao dịch còn lại chưa thanh toán sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi được thanh toán và các khoản lãi này được thể hiện trên sao kê kỳ tiếp theo.

15.2. Đối với giao dịch rút tiền mặt:

Dư nợ của giao dịch rút tiền mặt sẽ bị tính lãi từ ngày giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý Thẻ của PVcomBank cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số tiền rút tiền mặt (không phụ thuộc vào ngày sao kê).

Thanh toán dư nợ thẻ

16. Tổng kết giao dịch:

16.1. PVcomBank quy định ngày sao kê đối với mỗi loại thẻ tín dụng cụ thể..

16.2. Vào Ngày sao kê, PVcomBank sẽ liệt kê tất cả các giao dịch của Chủ thẻ phát sinh trong kỳ sao kê đã được cập nhật trên hệ thống PVcomBank. Các giao dịch ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá của PVcomBank vào thời điểm Giao dịch được cập nhật vào hệ thống. PVcomBank sẽ thu các loại phí phát sinh theo quy định từng thời kỳ.

16.3. Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra tất cả các khoản nợ phát sinh ghi trên Sao kê. Chủ thẻ phải gửi thắc mắc của mình liên quan đến các giao dịch trên Sao kê bằng văn bản cho PVcomBank trong vòng 7 ngày kể từ ngày PVcomBank lập Sao kê. Nếu trong thời hạn đó, PVcomBank không nhận được thông báo của Chủ thẻ thì coi như Chủ thẻ đồng ý thanh toán tất cả các giao dịch, phí và lãi phát sinh thể hiện trên Sao kê.

17. Số tiền thanh toán:

Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đúng hạn cho PVcomBank tất cả các khoản nợ phát sinh ghi trên Sao kê, mức ít nhất bằng Số tiền thanh toán tối thiểu.

18. Thực hiện thanh toán:

18.1. Việc thanh toán của Chủ thẻ chỉ được coi là thành công khi hệ thống của PVcomBank ghi nhận được giao dịch của Chủ thẻ.

18.2. Trường hợp Chủ thẻ đăng ký trích nợ tự động theo các hình thức do PVcomBank quy định, Chủ thẻ ủy quyền cho PVcomBank tự động ghi nợ, trích tiền từ tài khoản thanh toán của Chủ thẻ mở tại PVcomBank để thanh toán giá trị dư nợ theo đăng ký của Chủ thẻ. Chủ thẻ phải đảm bảo tài khoản đăng ký này luôn đủ số dư cần thiết để PVcomBank ghi nợ trong khoảng thời gian từ sau Ngày sao kê đến Ngày đến hạn thanh toán.

PVcomBank có quyền trích nợ toàn bộ giá trị dư nợ mà Chủ thẻ đã đăng ký từ tài khoản đăng ký trong bất kỳ thời điểm nào sau Ngày sao kê và trước Ngày đến hạn thanh toán. Nếu trong khoảng thời gian này, số dư trong tài khoản đăng ký không đủ để PVcomBank trích nợ giá trị dư nợ theo đăng ký của Chủ thẻ với PVcomBank, Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán trực tiếp cho PVcomBank phần dư nợ còn thiếu và phải chịu các khoản lãi, phí phát sinh (nếu có).

19. Thứ tự thanh toán:

Dư nợ được thanh toán theo thứ tự thời gian giao dịch được cập nhật vào hệ thống và theo thứ tự dưới đây:

- (1) Các khoản, phí, lãi;
- (2) Các khoản giao dịch rút tiền mặt;
- (3) Các khoản giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ

20. Vi phạm

20.1. Sau 1 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Số tiền thanh toán tối thiểu, toàn bộ dư nợ chưa thanh toán sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn và Chủ thẻ bị xem là vi phạm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký với PVcomBank.

20.2. Khi xảy ra vi phạm hoặc khi xảy ra các sự kiện quy định tại mục 25 của Bản Điều khoản và điều kiện này, Chủ thẻ xác nhận và đồng ý rằng PVcomBank có quyền tiến hành một hoặc nhiều biện pháp sau đây mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ:

- (1) Khóa thẻ tạm thời;
 - (2) Khóa thẻ vĩnh viễn, chấm dứt việc cung cấp dịch vụ thẻ, thực hiện thu hồi thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ dư nợ;
 - (3) Trích nợ từ các tài khoản thanh toán và sổ tiết kiệm của Chủ thẻ tại PVcomBank. Trong trường hợp trích nợ từ sổ tiết kiệm hoặc tài khoản tiết kiệm của Chủ thẻ để thanh toán dư nợ, PVcomBank được miễn trách nhiệm về việc chấm dứt trước kỳ hạn tiền gửi của Chủ thẻ;
 - (4) Thu hồi nợ từ các nguồn lương, thu nhập của Chủ thẻ hay từ cơ quan, đơn vị công tác hay bất kỳ tài sản nào khác của Chủ thẻ hoặc tài sản bảo đảm cho các khoản vay khác của Chủ thẻ tại PVcomBank mà không cần có xác nhận của Chủ thẻ;
 - (5) Lập ủy nhiệm thu, yêu cầu các ngân hàng mở tài khoản cho Chủ thẻ trích tiền để thu hồi nợ gốc, lãi trong trường hợp dư nợ của Chủ thẻ chuyển sang quá hạn;
 - (6) Tiến hành các biện pháp thu hồi nợ khác, bao gồm cả khởi kiện. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán chi phí phát sinh để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi phí luật sư, án phí, phí xử lý tài sản bảo đảm, chi phí đi lại, thông tin liên lạc, sao, chụp, công chứng, dịch thuật tài liệu, chuẩn bị tài liệu tố tụng, phí thi hành án mà PVcomBank không cần chứng minh;
 - (7) Đưa tên Chủ thẻ vào danh sách những người vi phạm (hoặc bất kỳ danh sách tương tự nào khác) quản lý bởi PVcomBank, bất kỳ cơ quan nào của nhà nước hoặc bất kỳ tổ chức nào khác tùy theo quyền quyết định của PVcomBank.
- 20.3.** Khi hết thời hạn hiệu lực thẻ, nếu Chủ thẻ chưa thanh toán hết toàn bộ dư nợ, PVcomBank được quyền tiến hành các thủ tục thu hồi nợ vay và xử lý tài sản bảo đảm.

Chấm dứt sử dụng thẻ

21. Trong trường hợp Chủ thẻ có nhu cầu tiếp tục sử dụng Thẻ sau khi hết hạn, Chủ thẻ thực hiện các thủ tục đề nghị Ngân hàng phát hành Thẻ mới. Ngân hàng có toàn quyền xem xét phê duyệt hoặc từ chối việc phát hành Thẻ mới cho Chủ thẻ.
22. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản giao dịch trước thời điểm Thẻ bị chấm dứt sử dụng và các khoản phát sinh (nếu có) chưa được cập nhật trên tài khoản thẻ theo thông báo của PVcomBank. PVcomBank chỉ thực hiện giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau ít nhất 45 ngày kể từ ngày yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ của Chủ thẻ có hiệu lực và Chủ thẻ đã thanh toán mọi nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm với PVcomBank.
23. Khi đơn phương chấm dứt Điều khoản, điều kiện này, Chủ thẻ có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản và gửi trả thẻ cho PVcomBank. Việc chấm dứt Điều khoản, điều kiện này có hiệu lực khi Chủ thẻ thanh toán toàn bộ Dư nợ và các tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ (nếu có) đã được giải quyết xong.
24. Khi chấm dứt sử dụng thẻ theo yêu cầu của Chủ thẻ hoặc PVcomBank thì toàn bộ Dư nợ là đến hạn và Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phát sinh đến thời điểm đó. Nếu Chủ thẻ đã chấm dứt sử dụng Thẻ nhưng vẫn dùng Thẻ để giao dịch thì Chủ thẻ vẫn phải có trách nhiệm thanh toán các giao dịch này và các khoản lãi, phí phát sinh theo quy định của PVcomBank.
25. PVcomBank có quyền đơn phương chấm dứt cung cấp dịch vụ thẻ và/hoặc chấm dứt Điều khoản, điều kiện này trong các trường hợp sau:
 - (1) Các trường hợp quy định tại mục 20 của Điều khoản, điều kiện này;
 - (2) Chủ thẻ chi tiêu vượt hạn mức Thẻ tín dụng mà không được PVcomBank cho phép;
 - (3) Chủ thẻ vi phạm các quy định về việc phát hành và sử dụng Thẻ của PVcomBank, vi phạm Điều khoản điều kiện này hoặc vi phạm quy định của pháp luật;
 - (4) PVcomBank phát hiện tài liệu, thông tin do Chủ thẻ cung cấp là không chính xác, không trung thực, sai sự thật;
 - (5) Chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi, phí phát sinh) đối với PVcomBank;
 - (6) Chủ thẻ liên quan đến các vụ kiện, vụ án có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng trả nợ của Chủ thẻ;
 - (7) Chủ thẻ bị bắt, khởi tố, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc phải chấp hành bản án hình sự;
 - (8) Chủ thẻ chết, mất tích;
 - (9) Chủ thẻ ly hôn hoặc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân;
 - (10) Phần lớn tài sản của Chủ thẻ bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ;
 - (11) Tài sản bảo đảm của Chủ thẻ bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị so với giá trị tài sản bảo đảm được định giá tại thời điểm cấp hạn mức theo định giá của PVcomBank hoặc bên thứ ba;
 - (12) Chủ thẻ nghỉ việc, thay đổi thu nhập hoặc không đáp ứng điều kiện sử dụng Thẻ theo quy định của PVcomBank;
 - (13) Các trường hợp liên quan đến giả mạo và quản lý rủi ro;
 - (14) Các sự kiện khác mà theo đánh giá, xem xét của PVcomBank là có khả năng ảnh hưởng tới khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn của Chủ thẻ;
 - (15) Chủ thẻ có yêu cầu khóa thẻ vĩnh viễn, đã thanh toán hết Dư nợ và không có yêu cầu phát hành lại thẻ trong vòng 90 ngày kể từ ngày khóa thẻ;
 - (16) Các trường hợp khác theo quy định của PVcomBank và pháp luật.

Quyền và trách nhiệm của các bên

26. Quyền và trách nhiệm của Chủ thẻ:

26.1. Quyền của Chủ thẻ:

- (1) Được sử dụng thẻ theo quy định tại mục 4 đến 10 Điều khoản, điều kiện này;
- (2) Được quyền yêu cầu PVcomBank cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất về giao dịch thẻ và số dư, hạn mức liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo quy định của PVcomBank;
- (3) Có quyền yêu cầu tra soát, khiếu nại về các sai sót, vi phạm (nếu có) trong quá trình sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật;
- (4) Các quyền khác theo quy định tại Điều khoản, điều kiện này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

26.2. Trách nhiệm của Chủ thẻ:

Ngoài các trách nhiệm khác quy định tại bản Điều khoản, điều kiện này, Chủ thẻ có các trách nhiệm sau:

- (1) Cung cấp đầy đủ, chính xác các hồ sơ, giấy tờ, thông tin cần thiết theo yêu cầu của PVcomBank khi đề nghị phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ;
- (2) Sử dụng hạn mức Thẻ theo đúng mục đích thanh toán hàng hóa, dịch vụ, rút tiền mặt hoặc thực hiện các giao dịch được phép khác. Chủ thẻ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng hạn mức Thẻ không đúng mục đích;
- (3) Nhận Thẻ và kích hoạt Thẻ trong vòng 45 ngày kể từ khi Thẻ được phát hành. Quá thời gian này, Thẻ sẽ bị hủy và Chủ thẻ phải chịu khoản phí phát hành và phí thường niên năm đầu tiên của Thẻ;
- (4) Kích hoạt thẻ theo hình thức đã đăng ký và chịu mọi rủi ro phát sinh;
- (5) Chịu trách nhiệm quản lý Thẻ và bảo mật PIN. Chủ thẻ không được chuyển nhượng hoặc cho mượn Thẻ, không được tiết lộ PIN cho bất kỳ bên thứ ba nào khác;
- (6) Ký chữ ký mẫu vào dải băng chữ ký ở mặt sau Thẻ ngay khi nhận Thẻ;
- (7) Ngay lập tức thông báo cho PVcomBank khi thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng và thanh toán các khoản phí phát sinh, nếu có;
- (8) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay, lãi, phí phát sinh do việc sử dụng Thẻ theo sao kê do PVcomBank cung cấp. Trong trường hợp Chủ thẻ có thực hiện giao dịch thẻ nhưng không nhận được hoặc chậm nhận được sao kê, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản vay, lãi, phí phát sinh do việc sử dụng thẻ theo quy định nếu PVcomBank cung cấp được các bằng chứng về việc đã gửi sao kê cho Chủ thẻ;
- (9) Hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho PVcomBank theo yêu cầu của PVcomBank đối với các khoản mà Chủ thẻ thanh toán/rút thừa, vượt quá hạn mức Thẻ tín dụng, giao dịch ghi có nhằm vào tài khoản của Chủ thẻ, giao dịch tra soát khiếu nại tại ATM và đơn vị chấp nhận thẻ đã được tạm ứng cho Chủ thẻ và các giao dịch nhầm lẫn khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp. PVcomBank được quyền trích nợ để thu hồi các khoản nợ này mà không cần thông báo cho Chủ thẻ;
- (10) Không sử dụng lại Thẻ mà Chủ thẻ đã thông báo cho PVcomBank là bị mất cắp, thất lạc;
- (11) Không sử dụng thẻ cho các giao dịch trái phép, bất hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành. PVcomBank có quyền từ chối xử lý hoặc thanh toán trong các trường hợp nêu trên;
- (12) Hoàn trả lại Thẻ cho PVcomBank khi tìm lại Thẻ đã báo mất cắp, thất lạc trước đó; khi Thẻ hết hạn sử dụng; khi Chủ thẻ không có nhu cầu tiếp tục sử dụng Thẻ; và các trường hợp khác theo yêu cầu của PVcomBank;
- (13) Công nhận các hóa đơn, chứng từ liên quan đến giao dịch thẻ đã được hệ thống PVcomBank ghi nhận và cung cấp. Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch có chữ ký và/hoặc sử dụng PIN của Thẻ và các giao dịch khác nếu PVcomBank cung cấp được bằng chứng về việc Thẻ được thực hiện giao dịch mà không cần chữ ký của Chủ thẻ;

- (14) Chủ thẻ chính phải chịu trách nhiệm với PVcomBank về việc sử dụng Thẻ của chủ thẻ phụ;
- (15) Chịu trách nhiệm giải quyết các mâu thuẫn với đơn vị chấp nhận thẻ về các vấn đề liên quan đến giao dịch thẻ mà không trì hoãn việc thanh toán vào Ngày đến hạn thanh toán.
- (16) Sử dụng thẻ trong hạn mức Thẻ tín dụng được cấp và có trách nhiệm trả phí theo quy định của PVcomBank khi sử dụng Thẻ quá hạn mức Thẻ tín dụng được cấp.
- (17) Thanh toán số tiền Giao dịch thẻ tranh chấp và các khoản phí phát sinh theo quy định của tổ chức thẻ quốc tế khi tranh chấp được đưa ra trọng tài quốc tế và trọng tài quốc tế xử Chủ thẻ thua kiện.
- (18) Thông báo ngay cho PVcomBank bằng văn bản thay đổi về những thông tin đã cung cấp tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế hoặc các thông tin khác theo yêu cầu của PVcomBank.
- (19) Tuân thủ các quy định, chính sách hiện hành của PVcomBank liên quan đến việc cho vay và trong trường hợp các quy định, chính sách này có thay đổi, Chủ thẻ cam kết sẽ thực hiện theo đúng các quy định, chính sách đã được thay đổi đó đúng theo thời hạn do PVcomBank thông báo.
- (20) Chủ thẻ đồng ý rằng đối với các yêu cầu về tra soát khiếu nại về dịch vụ thẻ, Chủ thẻ có trách nhiệm thực hiện yêu cầu, nếu có bằng văn bản trong vòng 35 ngày kể từ ngày giao dịch phát sinh hoặc kể từ ngày quyền và nghĩa vụ của Chủ thẻ bị vi phạm. Quá thời hạn trên, PVcomBank vẫn tiếp tục hỗ trợ giải quyết tra soát khiếu nại nhưng khách hàng phải chịu hoàn toàn thiệt hại phát sinh do khiếu nại chậm. PVcomBank từ chối tiếp nhận các yêu cầu tra soát nếu trong vòng 120..... ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch khách hàng không gửi yêu cầu tra soát cho PVcomBank.
- (21) Các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều khoản, điều kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.

27. Quyền và trách nhiệm của PVcomBank:

27.1. Quyền của PVcomBank:

Ngoài các quyền khác quy định tại Điều khoản, điều kiện này, PVcomBank có các quyền sau:

- (1) PVcomBank được miễn trách nhiệm trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin,... bị trục trặc hoặc vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của PVcomBank.
- (2) Từ chối cấp phép các Giao dịch thẻ không hợp lệ, hợp pháp theo quy định của PVcomBank và pháp luật hoặc trong các trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của PVcomBank.
- (3) Yêu cầu Chủ thẻ cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu cần thiết khi đề nghị phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ.
- (4) Thu thập thông tin từ các tổ chức khác về Chủ thẻ.
- (5) Cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân được phép khác thông tin về Chủ thẻ, số PIN, Sao kê và các Giao dịch thẻ theo đúng quy định của pháp luật.
- (6) Tăng hoặc giảm hạn mức và/hoặc thay đổi hạng thẻ theo quy định của PVcomBank.
- (7) Khóa Thẻ khi nhận được thông báo Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng.
- (8) Thu hồi Thẻ bất cứ lúc nào bằng cách thông báo về việc thu hồi này cho Chủ thẻ hoặc thông qua các tổ chức thanh toán thẻ, đơn vị chấp nhận thẻ trong các trường hợp Chủ thẻ vi phạm các quy định của pháp luật, của PVcomBank, của tổ chức thẻ quốc tế hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Điều khoản, điều kiện này, hoặc các trường hợp nghi ngờ thẻ giả, giả mạo. Trong trường hợp này, PVcomBank được miễn trách đối với bất kỳ sự phung phí nào tới danh dự, uy tín của Chủ thẻ trong việc thu hồi lại Thẻ.

- (9) Ghi nợ Tài khoản giá trị tất cả các Giao dịch thẻ, các khoản phí và lãi phát sinh liên quan đến việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ theo biểu phí được PVcomBank quy định từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận tại Điều khoản, điều kiện này.
- (10) Yêu cầu Chủ thẻ thanh toán các khoản Giao dịch thẻ và các khoản phí, lãi phát sinh liên quan đến việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ.
- (11) Được quyền yêu cầu Chủ thẻ sử dụng mọi tài sản và nguồn thu của cá nhân và gia đình Chủ thẻ; yêu cầu bên nắm giữ tài sản của Chủ thẻ, gia đình Chủ thẻ, các thành viên Chủ thẻ chuyển giao cho PVcomBank để thanh toán, hoàn trả các khoản nợ gốc, lãi, phí cho Chủ thẻ; được quyền ghi âm lại tất cả trao đổi của Chủ thẻ và/hoặc các thông tin bằng lời nói giữa Chủ thẻ và PVcomBank trong quá trình sử dụng Thẻ.
- (12) Được quyền liên hệ với vợ/chồng/người tham chiếu của Chủ thẻ mà Chủ thẻ đã cung cấp thông tin tại Đề nghị phát hành thẻ trong trường hợp cần thiết.
- (13) Các quyền khác theo quy định tại Điều khoản, điều kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.

27.2. Trách nhiệm của PVcomBank:

- (1) Tuân thủ các quy định về phát hành và thanh toán Thẻ của pháp luật Việt Nam và tổ chức thẻ quốc tế.
- (2) Bảo mật các thông tin của Chủ thẻ theo quy định của pháp luật và chỉ cung cấp các thông tin này trong những trường hợp theo quy định của pháp luật và/hoặc thỏa thuận với Chủ thẻ.
- (3) Giải quyết các yêu cầu tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật và tổ chức thẻ quốc tế.
- (4) Khóa thẻ khi nhận được thông báo của Chủ thẻ về việc thẻ bị mất cắp, thất lạc hoặc lộ PIN.
- (5) Khi phát sinh thay đổi hoặc ngừng cung cấp dịch vụ, PVcomBank phải gửi thông báo cho Chủ thẻ hoặc đăng tải thông tin trên website hoặc hình thức khác do PVcomBank lựa chọn.
- (6) Các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều khoản, điều kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.

Cam kết của Chủ thẻ

28. Chủ thẻ cam kết:

- 28.1.** Không thực hiện các giao dịch trái với luật pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam hoặc nước sở tại nơi Chủ thẻ sử dụng Thẻ để giao dịch.
- 28.2.** Cam kết chịu trách nhiệm về tất cả những giao dịch bằng Thẻ đã thực hiện trước thời điểm PVcomBank nhận được thông báo bằng văn bản về việc Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng, bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch lừa đảo và/hoặc chữ ký giả mạo bởi bất kỳ người nào.
- 28.3.** Chủ thẻ công nhận, không hủy ngang và chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch được thực hiện theo đúng quy định của PVcomBank về quy trình thanh toán bằng Thẻ; cam kết chịu mọi rủi ro liên quan đến giao dịch đã thực hiện.

Quy định khác

29. Các quy định khác

- 29.1.** Nếu chủ thẻ sử dụng Thẻ để đặt trước dịch vụ nhưng không sử dụng dịch vụ đó và không thông báo hủy dịch vụ trong thời hạn theo quy định của đơn vị chấp nhận thẻ, Chủ thẻ có thể phải thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị dịch vụ, các loại thuế và phí liên quan theo quy định của từng

đơn vị chấp nhận thẻ. PVcomBank có quyền ghi nợ tài khoản thẻ của Chủ thẻ trong những trường hợp này.

- 29.2.** Bất cứ yêu cầu nào của Chủ thẻ liên quan đến việc phát hành và sử dụng Thẻ phải được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng hình thức được pháp luật cho phép hoặc do hai bên thỏa thuận. PVcomBank sẽ không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh do việc thực hiện các yêu cầu của Chủ thẻ không qua các hình thức này.
- 29.3.** Trừ khi PVcomBank có văn bản khước từ quyền hạn, quyền lực hay biện pháp của mình, mọi sự thất bại hay chậm trễ thực hiện các quyền hạn, quyền lực hay biện pháp nào của PVcomBank sẽ không được coi như là sự khước từ toàn bộ hay khước từ một phần các quyền hạn, quyền lực hay biện pháp đó.

30. Sửa đổi, bổ sung nội dung

- 30.1.** PVcomBank có quyền sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng Thẻ bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Chủ thẻ hoặc thông báo trên website chính thức của PVcomBank. Các sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực từ ngày được ghi rõ trên thông báo hoặc từ ngày PVcomBank gửi thông báo (nếu không ghi rõ ngày hiệu lực).
- 30.2.** Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày PVcomBank thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Điều khoản, điều kiện, nếu Chủ thẻ không đồng ý với các sửa đổi, bổ sung do PVcomBank đưa ra, Chủ thẻ có trách nhiệm thông báo với PVcomBank để thỏa thuận chấm dứt Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này.
- 30.3.** Nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ sau thời hạn 5 ngày kể từ ngày PVcomBank thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Điều khoản, điều kiện được hiểu là Chủ thẻ chấp nhận hoàn toàn các sửa đổi, bổ sung đó.

31. Luật điều chỉnh, giải quyết tranh chấp

- 31.1.** Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng Thẻ này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam và các quy định về phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ quốc tế.
- 31.2.** Nếu có bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc giải thích từ ngữ cũng như việc thực hiện Điều khoản, điều kiện này giữa Chủ thẻ và PVcomBank trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp hòa giải không thành công, các bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền ở Việt Nam để giải quyết.

32. Thời hạn hiệu lực và điều khoản thi hành

- 32.1.** Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này có hiệu lực từ khi Thẻ của Khách hàng được PVcomBank kích hoạt cho đến khi Chủ thẻ hoàn thành mọi nghĩa vụ thanh toán theo Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này.
- 32.2.** Những tài liệu kèm theo Điều khoản, điều kiện này hoặc để thực hiện Điều khoản, điều kiện này (Đề nghị phát hành thẻ tín dụng, Thư xác nhận của đơn vị công tác, Hợp đồng bảo đảm,...) là một phần không thể tách rời của Điều khoản, điều kiện này và toàn bộ các tài liệu này cấu thành Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế.
- 32.3.** Chủ thẻ xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ, đã được PVcomBank giải thích chính xác, đầy đủ các nội dung trước khi ký. Hợp đồng được lập bằng tiếng Việt. Nếu có bên nước ngoài tham gia, các bên thống nhất sử dụng bản tiếng nước ngoài thông dụng kèm theo bản tiếng Việt. Trong trường hợp có mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt có giá trị sử dụng.
- 32.4.** Bản Điều khoản điều kiện này được đăng tải trên website chính thức của PVcomBank.